

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

HSX:

Tổng quan thị trường

	Giá trị	Thay đổi	± %
VN-Index	397.00	↓ -1.23	-0.31%
KLGD (triệu ck)	45.95	↓ -6.65	-12.64%
GTGD (tỷ đồng)	729.43	↑ 83.64	12.95%
Tổng cung (triệu ck)	125.87	↑ 4.73	3.91%
Tổng cầu (triệu ck)	118.41	↓ -1.36	-1.14%
Giao dịch NN			
KL mua (triệu ck)	3.77	↓ -0.77	-16.93%
KL bán (triệu ck)	3.03	↑ 0.80	36.14%
Giá trị mua (tỷ đồng)	109.38	↑ 19.85	22.18%
Giá trị bán (tỷ đồng)	98.79	↑ 37.52	61.24%

Các ngưỡng kĩ thuật

	Điểm	Đánh giá
Kháng cự 1	411	**
Kháng cự 2		
Kháng cự 3		
Hỗ trợ 1	380	**
Hỗ trợ 2	350	***
Hỗ trợ 3		

- * Yếu
- ** Trung Bình
- *** Mạnh
- **** Rất mạnh

Công Ty CPOCK Dầu khí

18 Lý Thường Kiệt, Hà Nội

ĐT: (84-4) 39343888

Fax: 393439999

Nhận định thị trường:



Nhận định thị trường:

Chỉ số giá tiêu dùng tháng 10 (CPI) tại tp. Hồ Chí Minh đã được công bố với mức tăng chỉ 0,18% so với tháng trước. Với mức tăng tương ứng của CPI tại Hà Nội là 0,37% thì khả năng cao là CPI tháng 10 của cả nước chỉ dưới mức 0,5%. Nếu như CPI tháng 10 chỉ tăng dưới mức 0,3% thì yếu tố này có thể sẽ có những tác động tích cực tới tâm lý thị trường.

Diễn biến thị trường phiên hôm nay cho thấy thanh khoản khớp lệnh trên cả hai sàn đã sụt giảm mạnh trong phiên giao dịch đầu tuần. Với gần 70 mã cổ phiếu trên HSX không có dư mua, và áp lực bán mạnh trên các bluechips, có thể thấy rằng tâm lý thị trường đang trở lại trạng thái thận trọng thẫm dò. Các cổ phiếu bị bán mạnh hôm nay chủ yếu là các mã có thông tin hoặc công bố KQKD quý 3 không như kì vọng.

Trên phương diện kĩ thuật, VN-Index vẫn đang tiếp tục dao động quanh vùng 390 điểm. HNX-Index phiên hôm nay có lúc chạm hỗ trợ 54 điểm, sau đó hồi nhẹ vào cuối phiên. Mặc dù vậy, lực cầu yếu và ngưỡng 54 điểm cũng không phải là hỗ trợ mạnh với chỉ số HNX-Index là những yếu tố để NĐT nên tăng cường sự thận trọng và nên tiếp tục gia tăng tỷ lệ tiền mặt trong danh mục.

HNX:

Tổng quan thị trường

	Giá trị	Thay đổi	± %
HNX-Index	54.37 ↓	-0.37	-0.68%
KLGD (triệu ck)	26.21 ↓	-17.96	-40.66%
GTGD (tỷ đồng)	182.28 ↓	-131.85	-41.97%
Tổng cung (triệu ck)	44.23 ↓	-26.87	-37.79%
Tổng cầu (triệu ck)	39.53 ↓	-14.38	-26.68%
Giao dịch NN			
KL mua (triệu ck)	0.47 ↓	-0.99	-67.69%
KL bán (triệu ck)	0.62 ↓	-0.60	-49.14%
Giá trị mua (tỷ đồng)	5.32 ↓	-16.98	-76.16%
Giá trị bán (tỷ đồng)	8.00 ↓	-14.06	-63.74%

Các ngưỡng kỹ thuật

	Điểm	Đánh giá
Kháng cự 1	57	**
Kháng cự 2	vùng 60 - 62	***
Kháng cự 3		
Hỗ trợ 1	54	*
Hỗ trợ 2	vùng 51 điểm	**
Hỗ trợ 3		

- * Yếu
- ** Trung Bình
- *** Mạnh
- **** Rất mạnh

Thanh khoản

KLGD Kớp lệnh	Giá trị (cổ phiếu/phiên)
Bình quân 15 phiên	22,735,146
Bình quân 25 phiên	24,591,352
Cao nhất trong 6 tháng	111,859,504
Thấp nhất trong 6 tháng	15,358,600
Phiên gần nhất	31,060,000

Nhận định thị trường:



Đồ thị HNX-Index.

Phân tích kỹ thuật:

Tín hiệu đáng chú ý là việc sụt giảm KLGD của HNX trong những phiên gần đây bắt đầu tạo nên một “hội tụ giảm” giữa công cụ dòng tiền và HNX-Index. MFI (14) tạo 2 đỉnh và bắt đầu giảm theo xu hướng của HNX-Index là dấu hiệu phản ánh trạng thái dòng tiền ngắn hạn trên HNX đang có chiều hướng không tích cực.

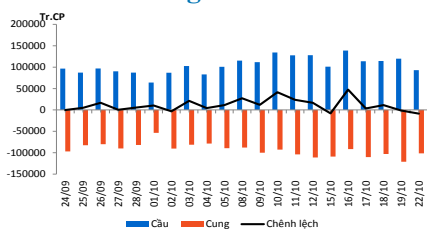
HNX-Index tiếp tục dao động trong khung 54 – 57 điểm là trạng thái kỹ thuật hiện hữu của chỉ số. Tuy nhiên 54 điểm không phải là hỗ trợ mạnh của HNX_Index, đồng thời việc thanh khoản sụt giảm những phiên gần 54 điểm của chỉ số cho thấy không có yếu tố hỗ trợ nào đảm bảo được HNX-index sẽ không thể bị mất ngưỡng 54 điểm. Hỗ trợ mạnh của HNX-Index quanh vùng 50 – 51 điểm.

NĐT nên tăng cường sự thận trọng, đặc biệt là trong ngắn hạn không nên tham gia bắt đáy khi chỉ số về lại mức đáy thấp nhất trước đó. Mặc dù vậy, trong 1 – 2 phiên tới thị trường có thể đón nhận sự hỗ trợ tích cực nếu như CPI cả nước được công bố ở mức tương đối thấp (<0,3%) và sự phục hồi nhẹ có thể diễn ra quanh khu vực 54 điểm. Do đó NĐT nên hạn chế bán tháo cổ phiếu với mức giá thấp, mà nên lựa chọn các phiên phục hồi để giảm tỷ lệ cổ phiếu trong danh mục.

HSX:

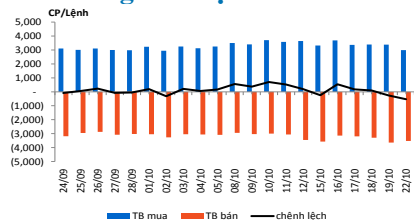
Diễn biến thị trường sàn Hồ Chí Minh

Cung cầu



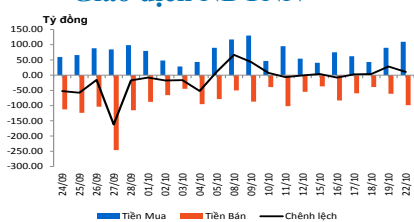
Cổ phiếu lớn cộng thêm một số mã đầu cơ có dấu hiệu bán mạnh đã khiến VN-Index giảm nhẹ trong những phút mở cửa. ITA, KBC, hai mã cổ phiếu sôi động tuần qua đã đảo chiều giảm mạnh với hầu hết lệnh mua đều ở giá sàn. Trái lại, HSG bắt đầu có lệnh mua trần chất đồng, sau khi công bố ước kết quả kinh doanh niên độ 2011-2012 hết sức khả quan so với các doanh nghiệp cùng ngành. Sau những phút mở cửa, VN-Index giảm nhẹ 0.4 điểm (-0.1%) tạm thời xuống 397.82 điểm.

Trung bình lệnh mua/bán



Nỗ lực thoát khỏi đà giảm của một số mã vốn hóa lớn đã xuất hiện khá rõ vào cuối buổi sáng. Áp lực cung đã giảm bớt, đồng thời cầu lại tăng đáng kể. Mặc dù vậy, tổng số mã giảm vẫn chiếm phần lớn. Điểm khác biệt chỉ là độ rộng của VN-Index đang được thu hẹp lại. VN-Index lúc này đang có sự hỗ trợ của VNM (+1.50%), HSG(+4.09%), các mã như VCB, CTG, PNJ, DPM, BVH ... tăng nhẹ

Giao dịch NĐTNN

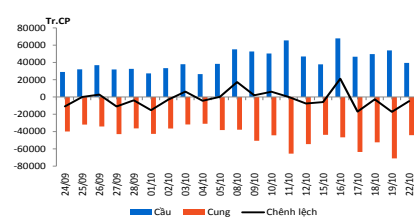


Cuối phiên, dù có lúc VN-Index giảm gần 3 điểm, tuy nhiên kết phiên đã giảm được rút ngắn chỉ còn giảm 1.23 điểm. Thanh khoản cũng đạt gần 1,000 tỷ đồng. Cổ phiếu vốn hóa lớn đã giúp đà giảm thu ngắn lại. Cụ thể VNM (+2.26%), VCB (+0.84%), CTG (2.98%), BVH (+2.30%), và đặc biệt HSG (3.51%) bám trần từ đầu đến cuối phiên. Với 149 mã giảm, trong đó 47 mã rớt sàn nhưng VN-Index chỉ mất 1.23 điểm, tương ứng 0.31% lùi về 397 điểm.

HNX:

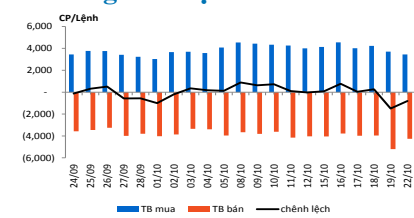
Diễn biến thị trường Hà Nội:

Cung cầu



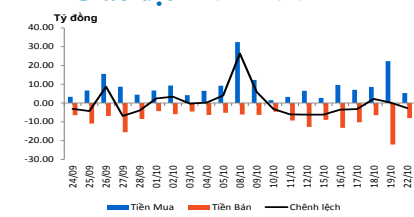
Đầu phiên, HNX-Index cũng tiếp tục mất điểm do thiếu các mã trụ cột hỗ trợ. Dòng họ P với điển hình là PVX, PVS, PVF, PVL, đang bị bán khá mạnh. ACB cũng giảm ngay từ đầu phiên. HNX-Index mất 0.5 điểm (0.9%) nằm ở 54.24 điểm.

Trung bình lệnh mua/bán



Đến 10h sáng, ABC giảm gần 4% đã khiến chỉ số HNX tiếp tục giảm khá mạnh, hiện tại HNX giảm 0.7 điểm, tương ứng -1.3%, nằm ở 54.04 điểm.

Giao dịch NĐTNN



Kết phiên sáng, các mã đầu cơ “nóng” ở sàn HNX như PGS, KLS, PVG, PVX, VCG,..... tiếp tục chìm trong sắc đỏ. PVX và ACB vẫn chưa có dấu hiệu cho thấy đà giảm ngưng lại khi áp lực bán giá thấp vẫn khá cao, PVX tạm thời giảm 4.26%, còn ACB giảm 3.8%. HNX có 117 mã cổ phiếu giảm giá, trong đó có 17 mã giảm sàn.

Cuối phiên, trên HNX không có gì đột biến so phiên sáng, các mã PV như PVX, KLS, PGS, PVS, ACB, BVS.... tiếp tục bị bán mạnh, với khớp lệnh từ vài triệu đơn vị trở lên. Đỉnh cao là PVX và VND với 4.3 triệu và 1.4 triệu đơn vị giao dịch. HNX-Index giảm 0.39 điểm (-0.71%) xuống 54.35 điểm, thanh khoản đạt 26.2 triệu đơn vị (182.28 tỷ đồng).

DIỄN BIẾN BỘ CHỈ SỐ PVN-INDEX

Bloomberg : PVNI <GO>

www.pvnindex.vn

Chỉ số Đại diện

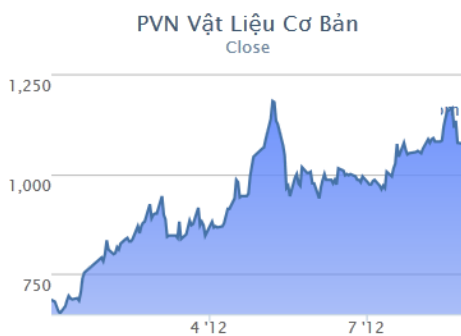


Chỉ số PVN 10



Chỉ số	Giá đóng cửa	Thay đổi	% Thay đổi
PVN 10	696.19	↓ -11.94	↓ -1.69
PVN ALL SHARE CONTINUOUS	652.59	↓ -8.16	↓ -1.23
PVN ALLSHARE	634.89	↓ -8.28	↓ -1.29
PVN ALLSHARE HNX	482.6	↓ -9.44	↓ -1.92
PVN ALLSHARE HSX	693.93	↓ -8.1	↓ -1.15
PVN Vật Liệu Cơ Bản	1037.68	↓ -2.9	↓ -0.28
PVN Dịch Vụ Tiêu Dùng	795.77	↑ 7.04	↑ 0.89
PVN Tài Chính	441.6	↓ -11.32	↓ -2.5
PVN Công Nghiệp	306.63	↓ -10.51	↓ -3.31
PVN Dầu Khí	637.51	↓ -7.18	↓ -1.11
PVN Dịch Vụ Tiện Ích	671.63	↓ -33.51	↓ -4.75

Chỉ số Ngành



Tổng quan về Bộ chỉ số PVN-Index

Bộ Chỉ số PVN-Index bao gồm tất cả Công ty thành viên PVN được niêm yết trên Sàn chứng khoán Hồ Chí Minh (HSX), Sàn chứng khoán Hà Nội (HNX) và sàn UpCOM. Bộ chỉ số PVN-Index được xây dựng và vận hành bởi công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí (PSI), với sự tư vấn của các chuyên gia nước ngoài uy tín và tuân thủ đầy đủ theo các tiêu chuẩn và thông lệ quốc tế về bộ chỉ số chứng khoán.

Bộ chỉ số bao gồm Chỉ số Đại diện (Benchmark) nhằm đưa ra thước đo chuẩn xác nhất cho sự biến động của toàn bộ thị trường, Chỉ số Ngành đánh giá các ngành công nghiệp đặc trưng và Chỉ số Blue Chips giúp tạo ra các giỏ đầu tư và nhóm danh mục giao dịch một cách dễ dàng với chi phí thực hiện tối thiểu. Bộ chỉ số được tính toán theo cả Chỉ số Giá (Prices) và Chỉ số Lợi Nhuận (Total Return) (bao gồm cổ tức). Mỗi Chỉ số được tính bằng 4 loại tiền tệ: EUR, USD, JPY và VND. Dữ liệu lịch sử được tính lại từ ngày 31-12-2008. Bộ chỉ số PVN-INDEX hoàn chỉnh bao gồm 88 chỉ số.

CHỈ SỐ	TÊN CHỈ SỐ	LOẠI CHỈ SỐ	Chỉ số Giá				Chỉ số Lợi Nhuận				
			VND	EUR	USD	JPY	VND	EUR	USD	JPY	
PVNAS	PVN ALL SAHRE	Đại diện	1	1	1	1	1	1	1	1	1
PVNASC	PVN ALLSHARE CONTINUOUS	Đại diện	1	1	1	1	1	1	1	1	1
PVNHSX	PVN ALLSHARE HSX	Đại diện	1	1	1	1	1	1	1	1	1
PVNHX	PVN ALLSHARE HNX	Đại diện	1	1	1	1	1	1	1	1	1
PVN10	PVN 10	Đầu tư	1	1	1	1	1	1	1	1	1
PVNBM	PVN Vật liệu Cơ bản	Ngành	1	1	1	1	1	1	1	1	1
PVNCS	PVN Dịch vụ Tiêu dùng	Ngành	1	1	1	1	1	1	1	1	1
PVNFI	PVN Tài chính	Ngành	1	1	1	1	1	1	1	1	1
PVNIN	PVN Công nghiệp	Ngành	1	1	1	1	1	1	1	1	1
PVNOG	PVN Dầu khí	Ngành	1	1	1	1	1	1	1	1	1
PVNUT	PVN Dịch vụ Tiện ích	Ngành	1	1	1	1	1	1	1	1	1
	TỔNG	88	11	11	11	11	11	11	11	11	11

Chỉ số Đại diện (4): PVN All Share; PVN All Share Continuous; PVN All Share HSX; PVN All Share HNX.

Chỉ số Đầu tư (PVN 10) (Chỉ số Bluechip): được thiết lập tuân thủ tất cả các tiêu chuẩn quốc tế nhằm được sử dụng như công cụ cơ bản cho các sản phẩm phái sinh cũng như các sản phẩm có cấu trúc khác. Tỷ trọng giữa những cổ phiếu thuộc chỉ số Bluechip được tính theo vốn hoá chuyên nhượng được.

Chỉ số Ngành (6): Chỉ số Ngành cho phép so sánh các cổ phiếu trong ngành:

- PVN Vật Liệu Cơ Bản
- PVN Công Nghiệp
- PVN Dịch Vụ Tiêu Dùng
- PVN Dầu Khí
- PVN Tài Chính
- PVN Dịch Vụ Tiện Ích

Chỉ số Giá (Price) và Chỉ số Lợi Nhuận (Total Return)

Chỉ số Giá (Price) là cơ sở cho các sản phẩm phái sinh, Chỉ số Lợi Nhuận (Total Return) thường được sử dụng cho các chỉ số quỹ. Cả hai được sử dụng cho những sản phẩm riêng biệt.

Phiên bản chỉ số ngoại tệ

Bộ chỉ số PVN-INDEX tính bằng đơn vị tiền tệ VND và được quy đổi ra các ngoại tệ chính khác như USD, EUR và JPY phục vụ cho việc theo dõi và sử dụng của giới đầu tư nước ngoài.

Phương pháp luận

Ngày gốc của tất cả chỉ số PVN-INDEX là ngày 31/12/2008

Giá trị gốc của tất cả chỉ số trong bộ chỉ số PVN-Index là 1000

Tỷ lệ cổ phiếu tự do giao dịch

Sở hữu của một cổ đông vượt quá 5% tổng số cổ phiếu lưu hành sẽ không được coi là cổ phiếu có thể tròn đến 5%.

Cổ tức được tính trong các chỉ số lợi nhuận là cổ tức gộp.

Tỷ trọng vốn hóa thị trường (Market Capitalisation Weight)

Tỷ trọng của các cổ phiếu thành viên chỉ số được tính dựa trên phần trăm giá trị vốn hoá của cổ phiếu trên tổng giá trị vốn hoá của chỉ số.

Đối với chỉ các chỉ số PVN Allshare và PVN Ngành, vốn hoá thị trường áp dụng là vốn hoá trên tổng số lượng cổ phiếu lưu hành (market capitalisation).

Đối với chỉ số PVN10: vốn hoá thị trường áp dụng là vốn hoá trên số lượng cổ phiếu tự do giao dịch (freefloat market capitalisation)

Giới hạn tỷ trọng vốn hoá 15% được áp dụng cho chỉ số PVN 10.

Diễn biến của cổ phiếu các công ty thuộc PVN

Phiên giao dịch hôm nay, trong 28 cổ phiếu niêm yết trên HOSE và HNX có 5 mã cổ phiếu đứng giá, 2 cổ phiếu tăng giá và 21 mã cổ phiếu giảm giá. Trung bình, các cổ phiếu thuộc nhóm này giảm mạnh tới 1,78% và tổng khối lượng giao dịch đạt 8,052 triệu đơn vị.

Dưới đây là diễn biến của các mã cổ phiếu thuộc tập đoàn PVN phiên ngày 22/10:

STT	Mã	Tên công ty	Giá đóng cửa (VNĐ)	KLGD (cp)	Tăng/Giảm (%)	P/B *	P/E trailing*	Nơi giao dịch
1	PCG	CTCP Đầu tư và Phát triển Gas Đô thị	3,800.0	-	0.00	0.33	10.27	HNX
2	PCT	CTCP Vận tải Dầu khí Cửu Long	2,800.0	2,900	0.00	0.28	25.45	HNX
3	PFL	Công ty cổ phần Dầu khí Đông Đô	2,400.0	17,600	-4.00	0.14	0.24	HNX
4	PGS	CTCP Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Nam	17,300.0	284,500	-0.57	1.42	1.15	HNX
5	PPS	CTCP Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam	9,300.0	172,100	-1.06	0.86	5.89	HNX
6	PPE	CTCP Tư vấn Điện lực Dầu khí Việt Nam	4,700.0	-	0.00	0.43	2.60	HNX
7	PSI	CTCP Chứng Khoán Dầu khí	3,800.0	48,000	-2.56	0.38	N/A	HNX
8	PVC	Tổng Công ty Dung dịch khoan và Hóa phẩm Dầu khí-CTCP	12,600.0	54,900	-2.33	0.75	1.88	HNX
9	PVE	Tổng Công ty Tư vấn Thiết kế Dầu khí-CTCP	8,900.0	8,700	1.14	1.56	4.06	HNX
10	PVG	CTCP Kinh doanh khí hóa lỏng Miền Bắc	8,400.0	86,000	-2.33	0.54	6.04	HNX
11	PVI	Công ty Cổ phần PVI	15,500.0	19,700	-0.64	0.66	7.83	HNX
12	PVR	CTCP Kinh doanh Dịch vụ cao cấp Dầu khí Việt Nam	3,800.0	-	0.00	0.36	1.78	HNX
13	PVS	Tổng CTCP Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	15,100.0	507,150	-1.31	1.28	4.04	HNX
14	PVX	Tổng CTCP Xây lắp Dầu khí Việt Nam	4,400.0	4,372,310	-6.38	0.19	1.65	HNX
15	GAS	Tổng công ty Khí Việt Nam - CTCP	39,400.0	104,050	-1.01	3.18	12.63	HSX
16	DPM	Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí-CTCP	35,800.0	268,760	-0.28	2.14	5.78	HSX
17	CNG	Công ty cổ phần CNG Việt Nam	24,000.0	65,060	-4.38	1.10	2.92	HSX
18	GSP	CTCP Vận tải Sản phẩm khí quốc tế	6,400.0	96,200	-3.03	0.55	4.67	HSX
19	PET	Tổng CTCP Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí	11,300.0	164,800	0.89	0.64	2.78	HSX
20	PGD	CTCP Phân phối khí thấp áp Dầu khí Việt Nam	34,400.0	323,430	-4.97	1.68	4.86	HSX
21	PTL	CTCP Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí	2,300.0	139,250	-4.17	0.22	1.78	HSX
22	PVD	Tổng CTCP khoan và dịch vụ khoan Dầu khí	34,600.0	100,900	-1.98	1.17	6.80	HSX
23	PVF	Tổng Công ty Tài Chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam	7,400.0	798,370	-3.90	0.65	9.37	HSX
24	PVT	Tổng CTCP vận tải Dầu khí	4,000.0	343,500	0.00	0.41	36.36	HSX
25	PXI	CTCP Xây dựng công nghiệp & dân dụng dầu khí	4,000.0	27,030	2.56	0.38	2.67	HSX
26	PXM	CTCP Xây lắp Dầu khí Miền Trung	2,500.0	24,070	-3.85	0.23	1.30	HSX
27	PXS	CTCP Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí	8,900.0	22,670	-1.11	0.67	2.67	HSX
28	PXT	CTCP Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí	4,300.0	600	-4.44	0.39	2.83	HSX
29	NT2	CTCP Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2	4,300.0	7,000	0.00	0.39	4.61	UPCOM
30	POV	CTCP Xăng dầu Dầu khí Vũng Áng	7,700.0	-	0.00	0.72	0.00	UPCOM
31	PSP	CTCP Cảng dịch vụ Dầu khí Đình Vũ	4,500.0	7,200	2.27	0.46	13.58	UPCOM
32	PSB	CTCP Đầu tư Dầu khí Sao Mai -Bến Đình	4,400.0	6,400	10.00	0.39	3.95	UPCOM
32	PTT	CTCP Vận tải Dầu khí Đông Dương	3,800.0	-	0.00	0.34	N/A	UPCOM

THỐNG KÊ GIAO DỊCH

HSX

5 cổ phiếu giao dịch nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	± %	Giá trị giao dịch (1 triệu VNĐ)
VNM	133,000	136,000	2.26	79,852,540
HSG	17,100	17,700	3.51	20,603,075
SAM	6,800	6,500	-4.41	15,485,444
KDC	34,000	32,700	-3.82	16,467,143
KBC	6,600	6,300	-4.55	13,854,700

HNX

5 cổ phiếu giao dịch nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	± %	Giá trị giao dịch (1 triệu VNĐ)
PVX	4,700	4,400	-6.38	19,436
SCR	6,200	6,000	-3.23	19,359
ACB	15,800	15,600	-1.27	14,809
FLC	7,900	7,400	-6.33	12,586
VND	8,800	8,700	-1.14	12,306

5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	Tăng	± %
AGF	20,500	21,500	1,000	4.88
UIC	8,500	8,900	400	4.71
VSI	6,400	6,700	300	4.69
VNI	4,300	4,500	200	4.65
RIC	6,500	6,800	300	4.62

5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	Tăng	± %
TTC	4,300	4,600	300	6.98
SLS	30,700	32,800	2,100	6.84
RCL	16,200	17,300	1,100	6.79
WCS	37,000	39,400	2,400	6.49
HTC	13,900	14,800	900	6.47

5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	Giảm	± %
VSG	1,000	900	-100	-10.00
SVT	9,000	8,500	-500	-5.56
PGD	36,200	34,400	-1,800	-4.97
TRC	42,400	40,300	-2,100	-4.95
SSC	32,500	30,900	-1,600	-4.92

5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	Giảm	± %
THV	1,000	900	-100	-10.00
PSG	1,200	1,100	-100	-8.33
GGG	1,400	1,300	-100	-7.14
CTX	7,200	6,700	-500	-6.94
VC3	13,000	12,100	-900	-6.92

5 CP được NĐT nước ngoài mua/bán nhiều nhất

Mã	GT mua (triệu VNĐ)	Mã	GT bán (triệu VNĐ)
VNM	53,119	VNM	51,902
KDC	11,616	KDC	12,954
KBC	7,668	HSG	7,696
PNJ	4,023	GAS	3,925
GAS	3,925	EIB	3,196

5 CP được NĐT nước ngoài mua/bán nhiều nhất

Mã	GT mua (triệu VNĐ)	Mã	GT bán (triệu VNĐ)
LAS	837	PVS	2,268
PVS	611	AAA	1,028
DBC	581	VNR	871
VCG	537	DBC	616
DXP	504	SDT	615

KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

Báo cáo này được thực hiện bởi Ban Phân tích - Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí. Những thông tin trong báo cáo này được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy và đánh giá một cách thận trọng. Tuy nhiên, Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí không chịu bất kỳ trách nhiệm nào đối với tính chính xác, trung thực, đầy đủ của các thông tin được cung cấp cũng như những tổn thất có thể xảy ra khi sử dụng báo cáo này. Mọi thông tin, quan điểm trong báo cáo này có thể được thay đổi mà không cần báo trước. Báo cáo này được xuất bản với mục đích cung cấp thông tin và hoàn toàn không hàm ý khuyến cáo người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán.

Người đọc cần lưu ý: Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí có thể có những hoạt động hợp tác với các đối tượng được nêu trong báo cáo và có thể có xung đột lợi ích với các nhà đầu tư.

Báo cáo này thuộc bản quyền của Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí. Mọi hành vi in ấn, sao chép, sửa đổi nội dung mà không được sự cho phép của Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí đều được coi là sự vi phạm pháp luật.

THÔNG TIN LIÊN HỆ

Ban Phân tích

E -mail: research@psi.vn

Tel: (84-4) 3934 3888

CHỨNG KHOÁN DẦU KHÍ



PSI

Trụ sở chính:

18 Lý Thường Kiệt, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội - ĐT: (84-4) 39343888; Fax: (84-4) 39343999

Chi nhánh Hải Phòng

Số 5, Hồ Xuân Hương, quận Hồng Bàng, Hải Phòng - ĐT: (84-31) 351 5188; Fax: (84-38) 351 5199

Chi nhánh TP.HCM:

Số 24 – 26 Hồ Tùng Mậu, Quận I, TP.Hồ Chí Minh - ĐT (84-8) 3914 6789; Fax (84-8) 3914 6969

Chi nhánh Vũng Tàu:

Tầng 5, tòa nhà Silver Sea, số 47 Ba Cu, phường 1, TP.Vũng Tàu – ĐT: (84-64) 62545 20 - 22 - 23 -24 - 26; Fax: (84-64) 6254521

Chi nhánh Đà Nẵng:

Số 55-56 Đường Nguyễn Văn Linh, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng – ĐT: (84-0511) 3899338; Fax: (84-0511) 3899339